

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2026

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Tuyết Mai.

2. Ông Nguyễn Văn Mến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

Ngày 25 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 415/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 814/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Vương Phương T**, sinh năm 1981. Căn cước công dân: 011181000394. “Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt”.

Địa chỉ: **Bản N, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Nay là: Bản N, phường Đ, tỉnh Điện Biên).**

2. Bị đơn: Ông **Ngô Tân H**, sinh năm 1967. Căn cước công dân: 092067003179. “Vắng mặt”.

Địa chỉ: **Ấp P, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ (Nay là: Ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ).**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2026 (được chứng thực vào ngày 30/3/2026 bởi Trung tâm phục vụ hành chính công **UBND phường Đ, tỉnh Điện Biên**), quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **T** trình bày và yêu cầu: Ông với ông **H** quen biết, tìm hiểu, đăng ký kết hôn số: 38 ngày 31/10/2023 tại **UBND phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Nay là: phường Đ, tỉnh Điện Biên)**. **C** sống với nhau không có con chung. Ông bà không có tài sản chung, nợ chung. Trong khoảng 01 năm đầu chung sống hạnh phúc, dần về sau phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn mặc dù

nhiều lần có ngồi lại nói chuyện, thuyết phục nhau nhưng vẫn không được. Ông bà ly thân từ đó đến nay, ông **Huỳnh B** về quê sinh sống, không liên lạc với bà nữa.

Thấy rằng tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông **H**. Ông bà không có con chung, không có tài sản, không nợ nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

*Bị đơn ông **H***: Vắng mặt trong quá trình giải quyết, không ghi nhận được lời khai.

Tại phiên tòa, bà **T** vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), ông **H** vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, lời khai cùng chứng cứ, tài liệu kèm theo Tòa án xác định bà **T** với ông **H** tranh chấp ly hôn để thụ lý giải quyết theo thẩm quyền nơi bị đơn cư trú quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông **H** được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do chính đáng, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông.

[2] Theo tinh thần của Luật Hôn nhân và gia đình, một trong những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, cùng nhau chung sống, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tin tưởng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Qua lời khai của bà **T** (thể hiện tại đơn kiện, bản tự khai được chứng thực vào ngày 30/3/2026 bởi Trung tâm phục vụ hành chính công **UBND phường Đ**, tỉnh Điện Biên) thấy rằng việc mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng là có. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án thực hiện thủ tục giao nhận văn bản tố tụng cho ông **H** và được ông ký nhận nhưng luôn vắng mặt, không hợp tác, không có lời khai thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà **T**. Điều này thể hiện ông bỏ mặc, không còn quan tâm, mong muốn hàn gắn hôn nhân với bà **T** nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà **T** là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Ghi nhận lời khai của bà **T** về việc ông bà không có con chung, tài sản và nợ. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp ông bà được quyền khởi kiện thành vụ án khác tại tòa án có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết theo quy định.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự: Bà **T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ hết vào tiền tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai số 0007879 ngày 22/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, các Điều 277, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện bà **Vương Phương T.**

Về hôn nhân: Bà **Vương Phương T** ly hôn với ông **Ngô Tấn Huỳnh .**

Về con chung, tài sản và nợ: Ghi nhận lời trình bày của ông bà về việc ông bà không có con chung, tài sản và không có nợ. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp ông bà được quyền khởi kiện thành vụ án khác tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà **T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ hết vào tiền tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai số 0007879 ngày 22/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà không phải nộp thêm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 3 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- P.THADS Khu vực 3 – Cần Thơ;
- UBND P. Điện Biên Phủ, T. Điện Biên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (TC: 12).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Mẫn